

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số 1479/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Phan Anh N, sinh năm 1973; Nơi cư trú: 108/12/9 Cách mạng tháng tám, khu phố 3, phường Q, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Chị Trần Thị B, sinh năm 1973; Nơi cư trú: 108/12/9 Cách mạng tháng tám, khu phố 3, phường Q, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nhận được đơn yêu cầu “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” của anh Phan Anh N và chị Trần Thị B.

Theo tài liệu cung cấp thì anh Phan Anh N và chị Trần Thị B đều cư trú tại 108/12/9 Cách mạng tháng tám, khu phố 3, phường Q, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai; đồng thời anh, chị đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Do đó, đơn yêu cầu của anh N và chị B được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Anh Phan Anh N và chị Trần Thị B tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Biên Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 1/95 ngày 16 tháng 9 năm 1995. Anh N, chị B thừa

nhận hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cả hai đều xác định tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung tên Phan Ngọc Liên P, sinh ngày 15/11/1998 và Phan Ngọc Gia B1, sinh ngày 06/4/2004. Khi ly hôn, anh N và chị B thỏa thuận thống nhất giao cháu Phan Ngọc Gia B1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Phan Ngọc Liên P đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Phan Anh N và chị Trần Thị B thống nhất không đoàn tụ, xin được công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 05 tháng 7 năm 2021.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Phan Anh N.

Về con chung: Vợ chồng anh Phan Anh N, chị Trần Thị B có 02 con chung tên Phan Ngọc Liên P, sinh ngày 15/11/1998 và Phan Ngọc Gia B1, sinh ngày 06/4/2004. Khi ly hôn, anh N và chị B thỏa thuận thống nhất giao cháu Phan Ngọc Gia B1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Phan Ngọc Liên P đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Phan Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình: Anh Phan Anh N, chị Trần Thị B mỗi người

phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh N, chị B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001261 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Anh Đức